

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HOC



Năm thứ 9 - Số 91, Ngày 24-4-50 (8-3 Canh-Dần), Phật lịch 2513
Hội Đồng Kiểm-Duyệt Giáo-lý Phật-Giáo Trung-Việt và Tổng
Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học duyệt-y.

MỤC LỤC

- | | | |
|----|---|------------------|
| 1 | Lời nói đầu | Thích Trí Quang |
| 2 | Câu thấy Phật (<i>Kinh học</i>) | Thích Thiện-Siêu |
| 3 | Giới luật (<i>Luật học</i>) | Thích Trí Thủ |
| 4 | Nghiên-cứu về Duy thức (<i>Luận học</i>) | Thích Kim Sơn |
| 5 | Tứ Đế (<i>Bài giảng</i>) | Thích Thiên Ân |
| 6 | Những mẫu chuyện đạo | Thích Minh Châu |
| 7 | Mục Ngưu đồ (<i>Thơ</i>) | Tống Anh Nghị |
| 8 | Lương Vô Đế (<i>Truyện ký</i>) | Thích Thuần Minh |
| 9 | Lịch sử Ngài Ca Diếp | Thích Mật Nguyễn |
| 10 | Tịnh độ với Đô Thành | Tống Anh Nghị |
| 11 | Đời sống giải thoát có thể thực hiện ở
Âu châu không ? | Thích Minh Châu |
| 12 | Ngày Từ Thiện Phật Giáo Trung Việt | |
| 13 | Tin tức | |
-

Tin tức

TỔNG TRỊ SỰ. — 1. — Nhân dịp ngày mừng 8 tháng 4 2513, kỷ niệm Phật-Tô Đản-sanh, Sơn-Môn Tăng già và Hội Việt-nam Phật Học có tổ chức NGÀY TỪ THIỆN PHẬT GIÁO TRUNG VIỆT mục đích giúp cho các gia đình bị nạn chiến tranh, các tù nhân ở lao xá, bệnh nhân nghèo ở bệnh viện. Vậy yêu cầu các Tỉnh Hội, Chi Hội và Khuôn Tịnh Độ cùng toàn thể Phật tử nhiệt liệt hưởng ứng đề ngày TỪ THIỆN PHẬT GIÁO được kết quả viên mãn.

2. — KINH THỦ LĂNG NGHIÊM ấn loát vừa xong và đang phát hành. Tỉnh Hội, Chi Hội hoặc Khuôn Tịnh Độ nào cần thỉnh bao nhiêu xin trực tiếp viết thư và ngân phiếu đề ông Lê-mộng-Tùng, 1B đường Nguyễn-Hoàng-Huế.

(xem tiếp trang 41)

Ăn muối

Phỏng thuật theo kinh Bách Dụ

Một người ngu đến nhà bạn ăn cơm, đồ ăn nấu hơi lạt, người bạn bảo bỏ thêm một ít muối thì ăn nghe ngon. Thấy vậy, người ấy nghĩ rằng thêm một ít mà như thế, nếu ăn muối không, hẳn ngon hoàn toàn. Thế rồi người ngu ấy làm theo ý nghĩ, và kết quả là bỏng rát cả miệng lưỡi.

Có những điều tuy hay, nhưng đem áp dụng không phải chỗ, không phải lúc một cách vụng dại, thì kết quả bao giờ cũng tai hại.

Trong chúng ta chưa chắc đã không có người như người ngu ăn muối. Cho nên trí tuệ BÁT NHÃ là điều cần thiết cho tất cả mọi người, trong tất cả thời, nơi tất cả chỗ.

TRÍ QUANG

CẦU THẤY PHẬT

(Phỏng dịch bài kệ trong kinh Pháp Bảo Đàn)

THÍCH THIÊN-SIÊU

Tự tánh chơn như bản lai thanh tịnh là chơn Phật; tà kiến, tham, sân, si là ma vương. Tà mê là khi ma vương ở trong nhà, chánh kiến là khi Phật ở trong ta. Cho nên trong tâm tánh phát sanh những điều tà kiến, tham, sân, si tức là ma vương tự do qua lại; nếu chánh kiến phát hiện trừ hết tham, sân, si, tức thời ma biến thành Phật, giả hóa thành chơn.

Pháp thân Phật, báo thân Phật, hóa thân Phật, ba thân ấy vốn là một thể, nếu thấy được tự tánh chơn thật thanh tịnh, tức là chính nhưn thành Phật Bồ-đề. Tự tánh chơn thật thanh tịnh vốn từ hóa thân mà sanh và thường ở trong hóa thân; do tự tánh khích sữ, tác động hóa thân thật hành chánh đạo, vậy sau mới viên mãn chơn tánh, không cùng không tận.

Dâm tánh vốn là nhân của tịnh tánh; trừ hết dâm tánh tức thành tánh thân thanh tịnh; tự trong

tâm tánh của mình xa lìa ngũ dục mà thấy được
chơn tánh thì chỉ trong giây lát tức là chơn rồi.

Ngày nay nếu chỉ gặp dạng pháp môn Đại-Thừa
đốn-giáo, thấy tự tánh ấy tức là thấy Phật; ngoài
ra nếu muốn tu-hành cầu mong làm Phật, thì
chẳng biết chỗ nào tìm thấy. Người nào trong tâm
tự thấy mình chơn thật, hễ có chơn là nguyên-
nhơn thành Phật, còn giả sử không thấy được tự
tánh mà cứ dong ruổi tìm Phật ở ngoài, thì vừa
khởi tâm đi tìm đã thành ngu-si vậy.

Pháp môn Đại Thừa đốn giáo này, lưu truyền
cứu độ trong thế gian, mỗi mỗi người phải tự mình
tu tập, nếu những người học đạo sau này, không
có kiến giải như trên đề tu hành, ắt bị luống rệ
công phu.

. . .

Hoài bảo duy nhất xưa nay của những người tin Phật là mong
cầu được thấy Phật, để vượt bề trầm luân vì có thấy Phật mới
có thể gần Phật, gần Phật mới có thể như Phật và thành Phật vậy.

Nhưng Phật ở đâu mà mong thấy mong thành ?

— Phải chăng Phật là 32 tướng tốt, 80 nét đẹp ; và phải
chăng Phật là những sắc tướng đoan trang mà chúng ta thường thấy
thờ phụng trong các chùa chiền tinh xá ?

Nếu chỉ bằng vào hình dung sắc tướng ấy mà cho là thấy
Phật, thì phải chăng là những người đem tâm tà kiến điên đảo,
phi báng Như Lai khi họ đứng trước hình tượng đức Phật cũng
có thể cho rằng họ đã thấy Phật.

Phải chăng những người không tâm tín thuận, mê tín dị đoan, khi họ đứng trước hình dung đức Phật cũng có thể bảo rằng họ đã thấy Phật....

Thế nên, Phật tuy có đủ 32 tướng song ta chỉ nhìn Phật bằng 32 tướng đó chưa phải là nhìn thấy chơn thân của Phật. Kinh Kim Cang nói : « *Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy làm tà đạo, không thể thấy Như Lai* » là thế. Thành thử muốn cầu thấy Phật tự tướng phải cầu thấy tự tâm, tự tâm đã có Phật thì lúc nào chỗ nào cũng đều thấy Phật; trái lại tự tâm không Phật, thì dầu Phật ở trước mắt cũng như trông thấy một tướng gì. Vậy ta nên biết tâm Phật và tâm chúng sanh vốn là một, nếu gạt lọc mê lầm tức là sáng suốt, tẩy trừ cầu uế tức là Thanh-tịnh; Tâm Thanh-tịnh, tánh sáng suốt ấy tức là Phật, vì Phật chỉ là hiện thân của chơn tánh vô cùng Thanh-tịnh sáng suốt ấy.

Tự tánh Thanh-tịnh là Phật, nhưng tự tánh vốn ở trong ta nếu khi tự tánh đã trừ sạch vô minh tà kiến, phiền não tham sân thì tức nơi thân này cũng có thể bảo là hóa thân của Phật. Đã có hóa thân ắt có báo thân, có báo thân ắt có pháp thân, ba thân không hai không khác.

Đến đây ta không nên quan niệm đức Phật là một đấng siêu hình như thần linh, thượng đế. Không nên quan niệm đức Phật chỉ hoàn toàn nơi sắc tướng bên ngoài; Cũng không nên quan niệm khi thấy được hình dung gọi là thấy Phật, khi không thấy hình dung gọi rằng Phật không thể cầu.

Nhưng tự tánh chơn tâm là Phật, Phật ấy không bị còn mất sanh diệt. Chỉ vì vô minh ràng buộc phải bị ăn mờ, hề ta phá hết vô minh, phát huy chánh kiến, gầy dựng đức Phật trong tâm, un đúc Phật trong tánh được vững vàng thì dầu trải qua thiên ma bách chiết, ở vào khổ thú nê lê cũng chẳng chút phai sờn, không lạc vào ma đạo.

Cầu thấy Phật được như thế mới thiết thiết và lợi ích cho thân tâm.

GIỚI LUẬT

THÍCH TRÍ-THÙ

1) YẾU-ĐIỂM GIỚI LUẬT

Bài trước đã nói đại cương sự quan-hệ của giới-luật, ở đây nói rõ thêm và phân biệt ranh giới giữa đại thừa luật, tiểu thừa luật.

Giới luật là một trong ba tạng giáo điển của Phật Đà. Hai tạng Kinh và Luận có xen sự nghị luận của các Bồ tát và các Đề-lữ v.v... về Luật thì nhất định chỉ có Đức Phật mới chế định mà thôi. Đức Phật căn cứ vào nhất thể chủng trí, như sự thật mà thu ết mình giới luật cốt xứng hợp hành vi của hàng Đề tử với thường trú chơn-Tâm cứu kính chơn thật của muôn loài vạn vật. Muốn thấy sự thật của muôn loài vạn vật như Phật, phải nghiêm trì giới luật; muốn đạt được chơn hạnh phúc hoàn toàn của Nhơn sinh, tức là cảnh giới Phật-Đà, cũng phải nghiêm trì giới luật. Đức Phật dạy: « Thọ Phật giới tức nhập chư Phật vị ». « Giới luật là Đại-Sư của các người, cũng như ta còn tại thế ». « Giới luật còn là Đạo tu còn ». Người không nghiêm trì giới luật là người đã phản bội Đức Phật, đi ngược cảnh giới giải thoát là Cảnh giới Thường-Trú Chơn tâm không thể thấy sự thật và hưởng hạnh phúc chơn chính. Người thọ trì giới luật, không những không phạm đến các điều ngăn cấm của Phật đã chế ra, mà hành

vì hằng ngày cần xứng hợp với oai nghi khuôn mẫu. Oai-nghi là những hành vi ngôn ngữ như đi, đứng, nằm, ngồi v. v... đúng theo một khuôn mẫu, quy tắc đã định. Đại thừa hay Tiểu thừa luật đều y vào 4 yếu điểm sau:

1) *Tác*: nghĩa là tạo tác; những người chưa thọ trì giới pháp, nay y theo pháp tắc oai nghi, làm lễ thọ giới; nếu xét lại từ trước đến giờ, vì làm lạc đã tạo ra nhiều điều phi pháp, cũng y theo quy tắc luật chế mà sám hối; về sau nếu còn vô tình phạm đến các giới điều đã cấm, thì cũng y theo phương pháp mà sám hối lại.

2) *Chi*: nghĩa là ngăn dút; đối với những hành-vi bất thiện (như ngũ nghịch, thập ác v. v...) quyết ngăn dút mà không làm; một nghĩa nữa nếu giữ gìn giới luật tinh-tấn thì vô minh vọng tưởng sẽ ngăn dút mà không phát sanh lại được nữa.

3) *Tri*: Có hai nghĩa: a) *Tri xả*, nghĩa là đối với những điều ác, quyết bỏ hẳn, không bao giờ làm lại, dù có hại đến tánh mạng.

b) *Tri thủ*: nghĩa là đối với việc thiện quyết giữ gìn làm theo, không dễ bỏ qua, dù là một việc thiện rất nhỏ.

4) *Phạm*: nghĩa là những hành vi không hợp pháp trái với điều đã ngăn cấm; điều này mới là quan hệ. Người cầm cân giới luật cần phải sáng suốt, thông hiểu tất cả những tâm lý hành vi của hành-giả. Cầu cứ vào giới-luật Đại thừa hay Tiểu thừa mà ấn định có phạm luật hay không. Lại còn phải căn cứ vào tâm niệm (nhất là tâm niệm) vào thời gian và nghiệp cảnh (1) là thế nào mới có thể định đoạt là phạm hay không phạm. Ví dụ về giới sát sanh: Giết một con vật, đối với Thanh văn Tiểu thừa là phạm nhẹ, đối với Đại thừa Bồ tát thì phạm giới nặng, vì

1) Chữ Nghiệp dùng hiểu làm theo nghĩa tạo tác thông thường.

làm mất căn bản Từ-Bi Tâm. Còn phải căn cứ vào tâm niệm cố ý làm lạc, khi khởi tâm giết hại mạnh hay yếu, trong thời gian móng tâm giết hại, đến khi với sau khi giết, trong khoảng thời gian ấy, trực tiếp hay gián tiếp, hối hận hay không hối hận, ác niệm tăng hay giảm, và nghiệp cảnh giết hại có thích hợp với lòng ưa muốn không. (Như móng tâm muốn giết con bò mà khi giết lại giết lầm con trâu v. v...) Từ khi móng tâm, trải qua thời gian, đến nghiệp cảnh kết quả, một tâm niệm không thay đổi là tội nặng nhất. Nếu trong đó, móng tâm thì hằng hái hoặc vì một thiện niệm đến khi làm và sau khi làm thì hối hận hoặc gián tiếp, hoặc làm việc không kết quả như ý muốn, thì phạm tội nhẹ. Tùy theo những cảnh huống ấy mà định đoạt phạm hay không phạm, tội lỗi nhẹ hay nặng. Tội lỗi nặng nhẹ có chia làm ba loại: Thượng, Trung và hạ. Về Đại thừa thì chú trọng nhất về tâm niệm. 4 điểm yếu trên này làm khuôn khổ cho tất cả giới luật, dù Đại thừa hay Tiểu thừa cũng vậy.

2) NĂM THỪA LUẬT

Giáo pháp của Phật dạy có chia ra năm thừa sai biệt khác nhau; giới luật cũng y theo đó mà có năm thừa.

Năm thừa luật là Nonh thừa luật, Thiên thừa luật, Thanh-văn thừa luật, Duyên-Giác thừa Luật và Bồ-Tát thừa Luật. Nonh thừa luật là năm giới của hàng Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di. Thiên thừa luật là 10 thiện giới Hai hạng trên này gồm cả tại gia và xuất gia (Bát quan trai giới cũng nhiếp ở trong này) Thanh văn thừa Luật, và Duyên giác thừa Luật chỉ đặc biệt riêng cho hàng Xuất-Gia, gồm có 4 chúng Sa Di, (con trai) Sa Di ni (con gái) có 10 giới; Tỷ-kheo (đàn ông) có 250 giới Tỷ-Kheo Nỳ (Đàn bà) có 350 giới; có luật Tăng đến 500 giới. Duyên Giác Thừa luật gồm ở trong Thanh-văn, chứ không

có luật riêng. Bồ-Tát Thừa Luật gồm cả tại gia và xuất gia, phổ thông đều theo giới Kinh Phạm-Võng, có tất cả 58 giới, chia ra 10 giới nặng và 48 giới khinh.

Năm Thừa Luật trên đây, tùy theo căn cơ trình độ và hoàn cảnh mà lãnh thọ, trong đó chia ra có Đại-Thừa và Tiểu thừa sai khác nhau. Như 4 thừa trước thuộc về Tiểu Thừa Luật. Một thừa sau tức là Bồ-Tát Thừa luật, là thuộc về Đại Thừa Luật.

3/ NHẤT THỪA LUẬT

Nhất Thừa Luật, không phải ngoài năm thừa luật trước mà có, tức là chỉ cho Đại Thừa Bồ Tát. Đây cũng căn cứ vào giới kinh Phạm Võng, 40 điều trọng và 48 điều khinh làm căn bản. Như người tùy theo hoàn cảnh, muốn làm khuôn mẫu Đạo-Đức về nhơn-đạo, chỉ thọ trì năm giới tại gia, nhưng thâm tâm muốn phát Bồ-Đề tâm, hồi hướng về quả Vô-thượng Bồ-Đề, nên dù ở hoàn cảnh triển phược gia đình, có thể thọ-tri thêm giới Bồ-tát luật gọi là Ưu Bà Tắc Bồ-Tát hay Ưu-Bà-Di Bồ-Tát. Còn hàng xuất gia, chí khí trượng phu; trang nghiêm nhơn tướng làm gương mẫu cho muôn loài, cũng thọ giới Bồ-Tát là hàng Sa di Bồ-Tát, Sa di Ni Bồ-Tát, Tỷ Kheo Bồ Tát, Tỷ Kheo ni Bồ Tát v.v... Cho nên năm Thừa luật cũng không ngoài nhất thừa luật mà có, mà cuối cùng năm thừa luật đều quy nạp vào nhất thừa luật cả. Nhất Thừa luật mới thật là mục tiêu cứu cánh về giới luật, và cũng chính là bản ý của Phật hiện thân ở thế gian này. Muốn chỉ định hành vi của nhất thừa Bồ-Tát luật (tức Đại Thừa Luật) cần phải căn cứ vào 3 phương diện sau này:

a/ Phương diện tiêu cực. — nghĩa là nghiêm trì tất cả giới luật oai nghi một cách rất ráo thanh Tịnh., tuyệt

hẳn bao nhiêu lỗi lầm nhỏ nhiệm không có thể phạm được.

b/ Phương diện tích cực, nghĩa là thâu nhiếp tất cả các điều thiện mỹ thế gian, xuất thế gian, hữu lậu vô lậu, để áp dụng vào hành vi đạo đức của mình. Hạ, phương tiện trên này thiên trọng về tự lợi.

c/ Phương diện cứu kính lợi tha: Đến phương diện thứ ba này mới thật hoàn toàn cứu kính, người thọ trì giới pháp của Đại thừa; nghĩa là một hành vi gì, không cần kể đến có lợi hay có hại cho mình, miễn hành vi ấy có lợi cho quần chúng, một cách thiết thực về hiện tại cũng như về tương lai, thì chọn chính Đại Thừa Phật Tử, triệt để thi hành ngay không dự dự lùi bước. Chỉ có người phát Đại Bồ đề tâm, mới thọ trì Nhất Thừa Luật. Người ấy mới thật là xứng với hai chữ Phật tử.

Lời Phật dạy

- 1) Thọ giới Phật dạy là được dựa vào hàng chư Phật.
- 2) Giới luật còn là Đạo ta còn.
- 3) Giới luật là vị Đại-Sư của các người, cũng như ta còn tại thế, không có sai khác.

Nghiên-cứu Duy-Thức luận

THÍCH KIM - SƠN

TỰA

Kinh dạy: Tâm-Thức như kho báu, như rắn độc. Tâm như kho báu bởi vì đầy đủ tất cả khả năng quý báu, nhưng nếu áp dụng các khả năng ấy sai lầm thì sẽ trở thành rắn độc. Cho nên ta phải hiểu rõ Tâm-Thức mới đem mặt tốt đối trị mặt xấu của Tâm-Thức.

Đức Phật dạy con người là trung tâm điểm vì hành động của con người chi phối tất cả. Mà hành động ấy là phát sinh từ Tâm-Thức. Vậy nếu Tâm-Thức không được được đối trị trước hết mà nói đến an lạc, giải thoát, thì không khác gì xây từng lầu thứ ba trước khi đắp nền tảng.

Xem đó thì thấy duy-thức-học quan hệ với chúng ta biết ngần nào, vì duy-thức-học không những thuyết minh một cách tường tận về Tâm-Thức mà còn

trình bày những phương pháp đối trị Tâm-Thức một cách rõ ráo.

Đặc điểm của duy-thức-học là ở chỗ :

1. — Thành lập từ một lý-đoán vô tư nhưng sắc sảo, mà thuật ngữ gọi là Chân-tý-lượng-trí.

2. — Xây dựng trên những lý luận cụ thể, gọi là nhân-minh-học.

3. — Và diễn đạt bằng một văn-tự thuật đo các mệnh đề nhân-minh-học tỏ chức lại.

Nhưng duy-thức-học khó học cũng vì những điều ấy.

Vì những lẽ trên, muốn cho Phật tử bắt đầu đi vào núi cao bề cả duy-thức-học, tôi thiết nghĩ không gì hơn là đem ba mươi bài tụng DUY-THỨC LUẬN của Thế.Thân Bồ-tát nghiên cứu một cách sơ lược. Chúng tôi không giải thích mà viết bài nghiên cứu này cũng chỉ vì ý muốn ấy.

TỨ ĐẾ

THÍCH THIÊN-ÂN

A. — Nguyên nhân và thời kỳ Phật giảng Tứ đế.

Trí Phật là như thật trí, nên thuyết của Ngài là hợp chánh lý, không trái sự thật. Đạo Phật là như thật đạo, nên tất cả giáo điều đều kiến lập trên chân lý. Đây là nguyên nhân phát khởi thuyết Tứ đế, một sự thật tuyệt đối rõ ràng, không ai có thể phủ nhận.

Đức Phật — người đầu tiên nhập và thuyết minh chân lý Tứ đế — sau khi thành đạo, liền đến vườn Lộc Già, độ các ông Kiều Trần Như 5 thầy Tỳ kheo. Sau 3 phen chuyện pháp luận Tứ đế (thị chuyện, khuyến chuyện và chứng chuyện) thành kiến mê làm tan vỡ, trí huệ siêu thoát xuất hiện, và 5 vị ấy là người đầu tiên ngộ đạo — nhờ pháp Tứ đế này — chứng nhập quả vị La-Hán.

B. — Định nghĩa chữ Tứ đế.

Tứ đế là 4 món chắc chắn xác thật, rõ ràng thoát ngoài sự chi phối của thời gian và không gian. Tứ đế là một chân lý bất di dịch của cuộc đời, ngoài vòng hạn cuộc và vô thường của sự vật, một sự thật hiển nhiên ai ai cũng có thể tự chứng nghiệm rõ ràng.

C. — Hành tướng của Tứ đế.

1) Khổ đế: Cuộc đời là đau khổ. Đây là một sự thật rõ ràng. Tất cả chúng sanh chưa cắt đứt được sợi giây triền phược của cuộc đời, đều phải chịu mọi điều thống khổ cay đắng, sống khổ, đau khổ, già khổ, chết khổ, cầu không được cũng khổ, oán cừu gặp gỡ cũng khổ, ân ái chia lìa cũng khổ, cho đến 5 ấm ép bức đầy dẫy cũng khổ. Nói rộng thì có đến 84.000 trần lao nhưng tuy nhiều cũng không ngoài 3 món khổ sau :

1) — Khô khô : Có thân đã là một việc khô, thế mà thường còn phải gặp những hoàn cảnh ngang trái đáng cay.

2) — Hoại khô : Tiêu diệt tan rã là khô; những gì ta ưa mến cũng phải tan nát tiêu hủy, đây là một điều khô.

3) — Hành khô : Xê dịch, biến đổi là khô. Ta muốn bảo thủ những tư hữu cho được tồn tại vĩnh viễn, mà cứ bị hư hoại dần dần rời rã rời hư nát, đây là khô.

II) Tập đế : Quả khô của chúng sanh hiện tại không phải là cố hữu hay ngẫu nhiên mà có. Các phiền não kiết sử, và những sự ngộ nhận vô ý thức ở nội tâm, chính là nguyên nhân tạo nên khô quã, dày vò thân hiện tại. Ấy là là tập đế. (Tập là chỉ cho những kiết sử phiền não của chúng sanh.

1) — Nghĩa chữ kiết sử : kiết : cột chặt, không buông tha. Sử : điều khiển sai khiến : Nghĩa là các món phiền não tự động điều khiển thân tâm, tạo tác hành động phi pháp, chính đây là xiềng xích giam hãm loài hữu tình phải thọ khổ trong tam giới. Phiền não tuy nhiều, nhưng không ngoài 10 món căn bản sau :

2) — 5 món độn sử : a) tham : luyến ái căn cảnh. b) Sân : giận dữ nóng nảy. c) Si : ngu mê vô trí, hoặc nhận xét sai lầm nông nổi. d) mạn : ngã mạn, cống cao, chỉ biết nâng cao địa vị mình, và kềm hãm giá trị người khác. đ) Nghi : nghi kỵ, ngờ vực, không chánh tín.

5 món này phạm phu nhị thừa, chưa có thể đoạn sạch duy chỉ Phật quả mới tận đoạn mà thôi. Nó đồng khí với thân căn một lần, nên cũng gọi là cu sanh phiền não. (Cu sanh ngã, cu sanh pháp).

3) — 5 món lợi sử : a) thân kiến : chấp đắm sắc thân này là thiệt có, trường tồn. b) biên kiến : cố chấp một bên, không đúng với sự thật, như chấp đoạn chấp thường. c) tà kiến : kiến giải tà vạy, không hợp chánh lý. d) kiến thủ : bảo thủ chỗ kiến giải của mình, không chịu tin chánh lý. đ) giới cấm thủ : tin tưởng và thực hành những kỷ luật nọ tạo, mâu thuẫn với chân lý.

5 món này không phải cụ sanh như 5 dộng sử, mà nó hệ thuộc về phân biệt, nghĩa là tà sư tà giáo là chính nhân tác động phát khởi 5 món kiết sử này. Nó sẽ tiêu diệt tận nguồn gốc một khi được ánh sáng của chánh lý chiếu tỏ.

10 món kiết sử này là nguyên nhân tác động và điều khiển nghiệp thức của chúng ta đầu thai thác sanh trong 3 cõi, chịu những sự ngang trái đắng cay.

Tóm lại hai món khổ đế và tập đế là nhân quả của thế gian.

III) Diệt đế: Có tối thì có sáng; có đau khổ tất nhiên có Niết bàn; căn cứ vào cuộc đời phức tạp hiện tại, chúng ta thấy nhất định phải có cảnh giới Niết bàn an tịnh của chư Phật. Hơn nữa đã có tịnh nghiệp dĩ nhiên là phải có tịnh quả. Ấy là diệt đế (Niết bàn)

1) Cát nghĩa chữ Niết bàn: Niết: rơi rụng, không có hay ra khỏi. Bàn: mọc lên lần xăn, Nghĩa là người nào đã thề nghiệp quả vị này thì tâm niệm không còn lần xăn bề bộn, luôn luôn an trú trong cảnh vắng lặng thường còn nhất là đã dứt sạch sanh nhân, nên không còn thọ thân chịu khổ gọi là Niết bàn. Có 3 đặc điểm như sau:

a) Bất sanh: không mọc lên, không sanh lại, vì sanh nhân đã đoạn tuyệt căn nguyên

b) Tịch diệt: thuần nhiên vắng lặng vì tâm niệm không lay động phan duyên, và các sự xao xuyên ở nội tâm cũng đã tận trừ.

c) Giải thoát: diệt tận phiền não kiết sử, thoát khỏi ràng buộc, thân tâm tự tại, không còn triền phược trong khổ hải.

2) Vị thứ tu chứng: tùy theo vị thứ công hạnh tu hành, quả vị Niết bàn cũng có sai khác. Theo tiêu thừa thì có 4 vị thứ tu chứng như sau:

a) Tu đà hoàn: dự lưu hay nghịch lưu. Nghĩa là những vị này, tuy công hạnh tu hành còn thấp kém, nhưng đã trái ngược với giòng đời, và đã tự nhập vào thánh lưu.

b) Tư đà hàm: nhứt sanh, còn một phen thác sanh vào dục giới.

c) A na hàm: bắt lai không còn trở về dục giới, nhưng sanh nhân vẫn còn.

d) A la hán: bắt sanh: Đây là quả vị cứu kính của tiểu thừa một khi đã lên địa vị này, thì không còn sanh tử, ra ngoài tam giới và an trú vào cảnh Vô dư y Niết bàn.

IV Đạo đế: chữ đạo là con đường hướng dẫn kẻ bộ hành đến đích. Đây chỉ cho những pháp môn tu hành hướng đến quả vị cứu cánh của chư Phật.

Con đường này là “bát chánh đạo», là 8 con đường chân chánh trong 37 phẩm trợ đạo:

1) Chánh tri kiến: Chỗ kiến giải liễu tri, không trái sự thật

2) Chánh tư duy: dẫn đo suy nghĩ chơn chánh.

3) Chánh ngữ: lời nói ôn hòa ngay thẳng, hợp với chánh lý.

4) Chánh nghiệp: hành động chân chánh hoạt động hữu ích.

5) Chánh mạng: sanh hoạt chân chánh.

6) Chánh tinh tấn: tăng tấn trên đường tu hành.

7) Chánh niệm: nhớ nghĩ việc đã qua, suy tưởng việc sẽ đến, đề phòng ngừa và đoạn trừ những hành động bất chánh, ý tưởng phi pháp.

8) Chánh định: lắng đứng các năng lực xao xuyến trong tâm hồn, đề trí huệ minh mẫn được xuất hiện; trái với tà định.

Tóm lại đạo đế là những con đường hướng đến đạo quả do đức Phật thuyết minh. Những con đường ấy chắc chắn đưa chúng ta thoát khỏi mê lầm đau khổ, chứng quả vị giác ngộ an tịnh (Niết bàn) nên gọi là đạo đế. Hai món diệt đế và đạo đế này là nhân quả xuất thế gian.

D. — Tứ đế với sự sai khác giữa đại thừa và tiểu thừa.

Hàng Tiểu thừa thanh văn, tuy đoạn trừ hết ngã chấp, nhưng pháp chấp thì chưa diệt; hơn nữa họ chỉ chú trọng nơi mục đích tự độ, còn đối với lợi tha của đại thừa thì họ chưa dám nghĩ đến. Còn đại thừa Bồ tát thì luôn luôn chú trọng đại nguyện độ tha. Nên quan niệm đến Tứ đế của Đại thừa và Tiểu thừa có chỗ bất đồng:

1) khổ đế: nhìn đời bằng cặp mắt hẹp hòi, tiểu thừa quan niệm cuộc đời là khổ, nên mục đích duy nhất của họ là cầu giải thoát bằng cách xa lìa trần tục, xuất ly sanh tử. Đại thừa thì tuy còn biết đời là khổ, nhưng vẫn lặn mình vào đời để giải thoát nỗi khổ cho chúng sanh, bằng cách hoá cái nhân tâm, tô điểm hoàn cảnh, để kiến tạo một đời hạnh phúc trong thế gian đau khổ này.

2) Tập đế: Tiểu thừa còn thấy phiền não cần phải diệt trừ, Đại thừa thì cho « phiền não tức Bồ đề », chỉ chuyên trọng gạn lọc cầu uế để tịnh thể xuất hiện. Muốn có nước trong không cần phải tát cạn nước đục, mà chỉ cần gạn lọc khôn khéo.

3) Diệt đế: Cảnh giới vô dư y Niết bàn là nơi an hưởng vô tận của Tiểu thừa. Đại thừa thì cho sinh tử tức Niết bàn nên họ không cần phải lánh xa sanh tử, mà chính nơi sanh tử để chứng Niết bàn thường tự tại an hưởng thú vui bất diệt của quả Niết bàn.

4) đạo đế: Vì phân biệt pháp chấp chưa đoạn, nên tiểu thừa còn thấy « hữu pháp khả tu », trái lại đại thừa không còn thấy một pháp nào có thể tu chứng, nhưng với lòng từ bi vô lượng thì Phật pháp bất ly thế gian pháp. Tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều là Phật pháp, cho nên hàng đại thừa cũng hướng quả vô thượng Bồ đề, vì đây là một bước tiến dẫn đến chân lý Đây là chỗ dị đồng về pháp tứ đế của đại thừa và tiểu thừa.

Đ. — Phật tử đối với pháp tứ đế.

Phật tử là người con trung thành của đấng Giác Ngộ, tức là phải học và thật hành theo quan điểm vị tha của đại thừa. Với pháp Tứ đế, đức Phật đã diễn tả cho chúng ta thấy hai cảnh giới tương phản: Niết bàn an tịnh, triền phược khổ đau, và hai con đường mâu thuẫn: đường mê lầm tội lỗi, và đường hào quang trí giác.

Phật tử phải là người đoạn trừ tập đế, diệt tận khổ quả, và thiết hành Đạo-đế để chứng Diệt Đế Niết bàn an tịnh.

NHỮNG MẪU CHUYỆN ĐẠO

MINH-CHÂU

1/ Đức Phật hóa độ cho 4 vị Phạm Chí bị lỗi tai sợ nghe pháp.

Xưa có bốn vị Bà-la-Môn tu hành được thần thông tự-tại; cùng nhau bàn luận rằng: « Người ta nói nếu ai đem đồ vật ăn uống cúng dường vị Sa-Môn Cù-Đàm (chỉ cho đức Phật) thì được sanh lên các cõi Trời, hưởng nhiều phước đức. Nếu được nghe pháp thì sẽ được giải thoát. Ngày nay chúng ta chỉ có ý nguyện tham những phước ở cõi Trời, chớ đừng có nghe pháp mà phải bị giải thoát. Lúc bấy giờ, bốn vị Phạm Chí mỗi người đem một bình nước ngọt đến cúng dường Phật. Người đầu dâng đồ cúng xong lễ Phật. Phật dạy rằng: « Các hạnh là vô thường biến diệt ». Vừa nghe câu ấy xong, vị Phạm Chí liền bị lỗi tai lại ». Người thứ hai vừa được nghe câu: « Các pháp là thịnh suy hư huyền », liền bị lỗi tai lại. Người thứ ba nghe được câu: « Mọi loài sanh rồi sẽ bị chết »; người thứ tư nghe được câu: « Diệt ngay sanh tử là an lạc. Sau khi từ tạ đức Phật, bốn người cùng nhau họp lại và hỏi đã nghe được gì? Mỗi người đọc lại mỗi câu mà mình vừa được nghe. Nhưng khi nối nghĩa bốn câu thời liền rõ thấu nghĩa Đạo chia được quả A-la-Hán, bốn người liền ăn năn hối lỗi đến trước đức Phật mà bạch rằng: « xin nguyện đức Như Lai thương xót chúng con mà cho nhập vào hàng tăng chúng làm vị Sa môn. Đức Phật nhận lời và tán thán thiện tâm của bốn vị Phạm Chí.

KINH VÔ THƯỜNG

2/ Đức Phật độ cho người mẹ mất con.

Một thời đức Phật ở tại thành Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô Độc. Có một bà góa vừa chết đứa con, nên ưu não sâu khổ, ôm thầy đứa con gào khóc mà chạy, chẳng khác người điên. Chạy đến Tinh Xá Kỳ Hoàn, nghe xưng tán đức Phật là vị Đại Thánh hay giảng Kinh pháp, trừ khổ đem vui cho mọi người. Bà liền vào lễ Phật, quỳ lạy, xin Phật cứu cho đứa con được sống lại. Đức Phật dạy rằng : « Người hãy đi khắp trong thành này, xem có nhà nào không có người chết, thời hãy xin lửa đem về đây, tôi sẽ cứu sống con cho nhà người ». Người đàn bà chạy khắp thành phố, nhưng hỏi nhà nào cũng có người chết, không thể xin lửa, phải tay không trở về bạch lại với đức Phật. Đức Phật như đó dạy rằng : « Phàm người ở đời, có bốn như duyên không thể ở lâu ; Một là thường rồi sẽ vô thường, hai là giàu sang rồi sẽ nghèo hèn, ba là hội hợp rồi sẽ phân ly ; bốn là mạnh mẽ rồi sẽ đau chết. Nhà người ngày nay, sao lại không biết lo che tự thân ? Sao không bỏ thí tri giới, cứu giúp những kẻ cô quả bần cùng. Bà mẹ bạch Phật rằng : « Con nay lòng thương con đã nhập trong cốt tủy, dầu có tiếc thân mạng », Khi ấy đức Phật muốn hóa độ người mẹ đáng thương ấy, liền lấy thần lực hóa bốn hàm lửa đốt cháy xung quanh người mẹ, sức nóng bức bách khiến người mẹ phải lấy thân của người con mà che đỡ. Đức Phật liền hỏi rằng : « Nhà người vừa nói lòng thương con đã nhập vào xương tủy, sao còn nở tâm lấy thân người con mà che đỡ cho nhà người khỏi bị lửa đốt. Lửa ở thế gian nhỏ nhoi không đáng kể gì, lửa ở địa ngục đốt cháy mới thật tai hại nguy hiểm. Loài súc sanh thì bị khổ ngu si, loài ngựa quỳ thì bị đói rét. Làm người biết lo che tự thân cần phải bỏ thí tri giới nhẫn-nhục ; Có vậy mới được hưởng phước cõi Trời và được gần cảnh giới Niết-Bàn ». Bà mẹ nghe lời Phật dạy, tự trách

lòng ái dục của mình, thành tâm đánh lễ sám hối, được
tiêu trừ cấu nhiễm, thành bậc Tu - đà - Hoàn.

Linh XUẤT DIỆU

3/ Đức Phật hóa độ cho những người săn bắn.

Một chỗ ở thường được lợi. Thời đức Phật ở thành
La-duyệt-Kỳ. Cách thành ấy độ 500 dặm, có một gia đình
gồm 120 người, sống với nghề săn bắn, mặc áo da thú,
ăn thịt súc vật, không cấy bừa trồng trọt, không biết
Tam Bảo và chỉ thờ quỷ thần. Đức Phật biết đã đến
thời hóa độ, bèn đến tại chỗ, ngồi dưới gốc cây. Lúc bấy
giờ, các người đàn ông và con trai đi săn bắn vắng, chỉ
còn đàn bà con gái ở nhà. Thấy đức Phật oai nghi hào
quang sáng chiếu, hết thấy đều đến đánh lễ, trải chiếu
mời ngồi. Đức Phật bèn thuyết pháp, giảng giải sự
nguy hại của sát sanh, phước báo của nhơn từ và sự
giả tạm của ái ân tình dục. Các người đàn đàn bà và
con gái ngồi nghe, tâm sanh hoan hỷ bèn bạch Phật
rằng : « Chúng con là người ở núi, tham tàn sát hại,
thường lấy thịt mà ăn nay muốn xin bày chút cúng
dường, mong ơn Ngài từ bi thọ lãnh. Đức Phật đáp
rằng : « pháp của các đức Phật không cho dùng thịt mà
nuôi sống, tôi nay đã dùng cơm rồi, không còn phải bày
biện làm chi ». Rồi đức Phật lại dạy thêm rằng : « Các
món ăn thuộc loài cây cỏ rất nhiều, sao loài người lại
không dùng những món ăn hiền hậu mà phải tàn hại các
sanh mạng để tự nuôi sống. Giết sinh mạng để tự nuôi
sống là tự hại mình. Chúng ta cũng là chúng sanh, sao
chúng ta không biết thương hại loài chúng sanh, vì có
chúng sanh nào là không tham sống sợ chết đâu. Giữ lòng
nhơn từ không bao giờ sát hại thời đời đời tránh khỏi
mọi tai họa ». Rồi đức Phật thuyết bài kệ rằng :

« Làm người không sát hại,
Sẽ tránh khỏi già chết
Không giết, hành đạo từ
Sẽ tránh khỏi già chết
Dùng tay không làm hại
Được khỏi mọi khổ não
Thường giữ lòng từ mẫn
Biết đủ, biết ngăn giữ,

Thường gìn giữ tâm tâm
Không bao giờ gặp nạn
Giữ tâm dè dặt lời,
Không bao giờ gặp nạn »,
Hết thấy loài chúng sanh,
Được sanh cõi Phạm Thiên.
Trong sạch như Phật dạy
Sẽ được thoát sanh tử ».

Đức Phật thuyết bài kệ xong, thì vừa những người đàn ông đi sẵn về. Họ lấy làm lạ, vì sao vợ con lại không đi đón như mọi lần, trong lòng lo ngại, một sự biến cố gì, nhưng khi thấy vợ con ngồi chung quanh đức Phật chấp tay nghe giảng, bèn nổi giận muốn lấy cung dao hại đức Phật. Bọn đàn bà bèn ngăn cản và nói rằng : « Đó là vị thiên nhơn, chớ có sanh tâm làm hại » Mọi người liền ăn năn hối lỗi, cùng nhau đến dâng lễ đức Phật. Đức Phật giảng lại phước báo của lòng nhơn từ và tội báo của sát sanh. Bọn đàn ông nghe giảng liền hiểu chơn ý Phật dạy, quỳ bạch Phật rằng : « Chúng con sinh trưởng trong rừng sâu, chỉ lấy nghề săn bắn làm kế sinh nhai, tội báo chúng con chất chứa trải qua nhiều kiếp. Chúng con không hiểu nên tu pháp gì để thoát khỏi các tội báo ». Đức Phật bèn thuyết kệ rằng :

« Làm các hạnh nhơn từ,
Được mười một món phước,
Ngủ yên, thức cũng yên,
Trời che chở, người khen,
Nước lửa không phạm thân,
Chung thành mười một món.

Rộng thương cứu chúng sanh
Luôn luôn theo bên mình
Không thấy những mộng dữ
Không bị bệnh độc hại
Chết sanh cõi Phạm Thiên

Đức Phật thuyết bài kệ xong, mọi người lớn nhỏ 120 người đều hoan hỷ theo và xin thọ năm giới Pháp Đức Phật bảo vua Bình-Sa-vương cấp ruộng đất và chở gạo lúa để sinh sống. Nhờ lòng nhơn từ của đức Phật hóa độ rộng khắp, nên toàn cõi nước đều được an ninh thái bình.

KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

Mục Ngưu Đồ

Thành kính dâng quý vị Đại Đức Tăng-Già đã hướng dẫn cho tôi vào trong ánh sáng của Đạo Vô Thượng.

TỔNG-ANH-NGHỊ

Các Phật tử thường lấy 10 bức vẽ « Mục Ngưu đồ » để chỉ bày con đường tu. Trong 10 bức vẽ ấy, lấy người mục-đồng làm tượng-hình cho giáo-pháp chính của Đạo Phật, con trâu làm tượng hình cho sự mê-làm phiền-não dục vọng. Chúng sanh lấy giáo-pháp của Phật để trị cái mê-làm cái dục vọng, cũng như người mục-đồng trị con trâu vậy. Bạn Tổng-Anh-Nghị với những lời thơ uyển-chuyển, đầy âm nhạc, đã cố lột cái tinh-thần của lối phác họa kỹ-diệu trong 10 bức vẽ này dùng để tượng-trưng cho cái tinh-thần bất-diệt của Phật-Giáo.

L. T. S.

Trí lung như trâu hung,

Người Giác, người mục-tử,

Bụi đời con gió dữ:

Trâu lạc, người khờ lùng!

(1 — *Vị-mục*),

Trâu đây, gặp người đây,

Roi thừng chuyên giam giữ,

Phương tiện làm mối đây,

Trâu, người dùng cách trở.

Vừa bước đầu gặp gỡ,

Chưa hề hớ roi thừng:

Người chặn, chặn hãm-hở,

Trâu theo, theo lưng chùng.

(3 — *Thụ-chế*)

(2 — *Sơ-điều*)

Lòng xây, dây thào ruột,
Nghỉ ngại bớt lưỡng cân :
Trâu nhìn người quen thuộc,
Người coi trâu ân cần !

(4 — Hồi-thủ)

Tín thành, ai canh giữ,
Trâu, người lòng trí giao :
Trâu nằm vui thanh-thú,
Đạo trúc, người tiêu-dao !

(6 — Vô-đổ)

Đổi nhau, không lưu-ý,
Đồng ý vẫn thường nhau,
Trâu người chung thanh khí
Thanh-tĩnh người cùng trâu !

(8 — Tương-vong)

Chăn giữ, trâu không còn
Mục đồng ích chi nữa ?
Chán-Như soi muôn thuở,
Giáo-lý nói chi hơn ?

(10 — Song-dân)

Thuần-hòa qua hiềm khó.
Không e dè đây, đó,
Hình bóng luôn phút giây,
Người đâu, trâu kẻ đó.

(5 — Tuân-phục)

Thênh-thang, người yên nghỉ,
Chi đâu nửa lo âu :
Người, trâu tình hoan-hỉ,
Quần-quít nhau cùng nhau.

(7 — Nhậm-vận)

Trâu cùng người không khác,
Người có, thôi trâu chi ?
Thanh-Tĩnh càng diệu-lạc !
Thanh-Tĩnh càng huyền-vi !

(9 — Độc-chiếu)

TỔNG ANH-NGHỊ

Lương Vô Đế

(tiếp theo số 89-90)

*Thăng lợi chân chính là ở Phật-giáo
chứ không phải vũ-khí. — A-DỤC.*

IV

Trong đời Hoàng đế A-dục, việc vĩ đại nhất là việc « bảy trăm đại đức kiệt tác Pháp tạng » Ngang với giá trị của sự nghiệp ấy, Lương-Vô-Đế có việc HỘI NGHỊ ĂN CHAY.

Lương-Vô-Đế sau khi tin ngưỡng Phật giáo, thì giới sát và ăn chay. Thiên-giám năm thứ 12, hạ chiếu bỏ việc tế tự bằng sinh vật. Lời chiếu có câu : Tế tự tôn miếu không dùng sinh, vật. Phải trọng sinh mạng ngang hoặc hơn trọng thân mình. Nhà vua lại còn ban chiếu khuyến dân chúng không nên làm nghề sát sinh thầy thuốc không nên chữa bệnh bằng máu thịt. Thiệt là lòng từ bi của Phật tử bủa khắp muôn loài. Nhưng trong khi đó có một số Tăng Ni ăn mặn và uống rượu. Lương-Vô-Đế bèn viết bài văn ĐOẠN TỬU NHỤC khuyến rằng. Trong bài văn ấy, Ông nói :

Đệ tử Tiêu-Diên kính bạch các đại đức tăng-ni : Giữ gìn Chánh-Pháp là việc của các ngài, không phải điều mà kẻ bạch y là kẻ đệ tử đây lạm bàn. Nhưng trong kinh Phật có đem Chánh-pháp phú chúc cho nhân-vương. Vậy xin các vị tăng ni lỗi lầm hãy bình tĩnh nghe đệ-tử phân trần, không nên bất bình phần nộ.

Rồi Ông lại viết tiếp :

Người xuất gia trong Chánh-pháp sở dĩ khác hơn người ngoại đạo là vì tin NHÂN QUẢ, tin Phật, tin

lời Phật dạy. Kinh NIẾT BÀN dạy : « Ca-diếp ! Từ phút cuối cùng này của ta sắp đi, ta cấm các đệ-tử không được ăn tất cả các thứ thịt ». Kinh nói làm ác thì bị ác báo, Luật dạy uống rượu thì phạm ba-dật-đề. Vậy mà bây giờ các ngài ăn thịt uống rượu thì đã đồng với ngoại đạo, mà lại không bằng họ nữa, vì ngoại đạo dù sao họ cũng không trái lời giáo chủ của họ, chứ các ngài thì trái phạm lời Phật, ấy là một điều không bằng.

Sau khi chỉ tiếp 9 điều không bằng ngoại đạo. Ông viết :

Ngoại đạo tuy tà kiến sai lầm mà không có những việc ấy. Còn rượu là gì ? Là hơi thối, gạo nước mất tính chất đi mà thành ra hơi ấy. Chúng sinh chỉ vì thói quen bị ôi mà thèm thường nó, chứ nó không phải là pháp vị cam lộ, tại sao người xuất gia còn uống ? Hết thầy giới luật tại gia, Phật đều cấm uống rượu, nên người xuất gia đã không uống, mà người học luật lại càng không được uống. Vì uống rượu thì mở cửa phóng túng, tập trung điều ác. Nếu người tại gia ham mê thứ thuốc điên ấy, người xuất gia sẽ can ngăn rằng : Này ông ! Đã thọ năm giới thì không được như vậy. Nếu người chưa thọ giới thì các ngài sẽ khuyến : Đàn việt ! Rượu là gốc ác, rượu là thuốc độc, trông mong Đàn việt không nên uống. Vậy tại sao các ngài là người xuất gia lại uống nó ? Chúng sinh ở địa ngục Phù-đà, thân như khúc thịt, không có trí thức, ấy là người gì các ngài biết chăng ? Họ là những người uống rượu, là hiện thân của quả báo uống rượu đó. Người xuất gia há trái lời Phật dạy, bỏ nhân chánh pháp, gây giống địa ngục sao ? Mình mặc áo Như-Lai, hằng ngày đối trước hình ảnh trang nghiêm của Ngài mà uống rượu thì không tự thẹn ? Cho nên nếu uống rượu ăn thịt thì các Ngài không bằng người tại gia vậy

Sau khi chỉ thêm 9 điều không bằng người tại gia Lương-Vô-Đế lại viết :

Tóm tắt vài điều như thế, chứ tội lỗi của ăn thịt uống rượu vô lượng vô biên. Hy vọng các ngài suy nghĩ, chứ đệ-tử không thể nói hết.

Ngay các đại-dức tăng-ni nên hết sức răn dạy đồ chúng, nghiêm tịnh đệ-tử. Nếu mà khinh lờn, không tuân Phật dạy, thì các ngài cũng vẫn là dân của nhà Lương, sức đệ-tử có thể trừng trị cấm chế. Nên từ nay về sau, nếu ai không tuân theo Phật pháp thì các Tăng-trưởng nên y Pháp đàn hạch.

Năm xưa ở Kinh-dô có giảng kinh NIẾT-BÀN, đệ-tử thấy có hàng ngàn người đến. Vừa rồi đệ-tử lại thỉnh pháp sư Pháp-Vân giảng PHẠM TỬ TUỞNG trong kinh ấy cho tăng ni. Vậy các ngài nghe hay chưa? Nếu nghe rồi thì không được trái, nếu chưa thì phải nghe lại. Trong kinh nói rất ráo là phải trừ tất cả thứ thịt, cho đến con vật tự tử cũng không được ăn, huống chi nó không tự tử mà mình giết, bắt bằng dao gậy, bẫy lưới bằng tiền bạc? Các Tăng ni gọi là Phật-tử, sao không theo lời Ngài là thầy mình? Kinh nói: « Ăn thịt là mất giống đại-tử-bi ». Dứt mất giống đại tử? Vì đại tử là muốn làm cho tất cả chúng sanh đồng được an lạc. Nếu ăn thịt nó thì tất cả chúng sanh đều thành kẻ thù, vì sự an lạc của nó, sự sống của nó bị mình cướp đi. Nếu ăn thì cách xa quả Thịnh-văn, quả Duyên-giác. Ăn thịt thì chướng ngại Niết-bàn và Bồ-đề, vì nếu ăn thịt thì mất tâm Bồ-đề rộng lớn, và hạnh Bồ-tát tự lợi lợi tha. Ăn thịt thì hết thấy bồ-đề phần pháp cho đến 4 vô lượng tâm vân vân đều mất, thế nên, là Phật-tử, thì phải tuyệt đối không được ăn thịt. Vì vậy trong kinh mới dạy ăn thịt là dứt giống từ bi. Người xuất gia chí cao tâm rộng, một lòng hy-vọng Vô-thượng-giác, thật hành Bồ-tát đạo, há lại không nhìn được những mùi hôi tanh ấy? Hồ báo ăn thịt, nếu ta cũng ăn thịt thì khác gì hồ báo? Trâu bò ăn

rau cỏ, há con người mà không bằng trâu bò? Người khôn hơn vật, há như loài vật ăn thịt lẫn nhau? Nên người ăn thịt là kẻ đáng bị. Các ngài khi giảng, khi nghe kinh NIẾT-BÀN, phải thiết tha đoạn văn «Cấm ăn thịt» mới được.

Thế rồi ông kể qua bao nhiêu cái xấu của ăn thịt: ăn thịt là ma hạnh, là nhân súc vật, là nhân chết chóc, là nhân kiếp sợ vân vân. Sau khi kể những cái xấu ấy ông bảo người ta suy nghĩ:

Các ngài! có một điều này các ngài phải tin thọ và suy nghĩ: Hết thầy chúng sanh đều đã là, hiện là, và sẽ là cha mẹ bà con thầy bạn của ta, chỉ vì ngu muội mà quên đi hoặc không biết. Nay ta ăn thịt thì có phải là nôi da xáo thịt? Thành thử chỉ vì ngon miệng một chút máu thịt mà người thân biến kẻ thù. Thiết là điều đau lòng, bút mực không thể hình dung. Xuất gia học Phật, mặc áo Như-lai, làm hạnh Bồ-tát, phải suy nghĩ sâu xa điều ấy.

Ông chỉ lý do: Nếu ta cướp sự sống của con vật hoặc của cha mẹ, anh em, bà con nó, thì nó cũng sẽ cướp lại sự sống của ta, của cha mẹ anh em bà con ta oán đối biết bao giờ cùng? Rồi ông kể những chương ngại của sự ăn thịt: bị khổ sở, bị chết yểu, bị ngu si, bị tà kiến, đâu muốn tu hành tịnh-giới, thuyên-định và trí tuệ, cũng bị ngại lưu nạn. Chỉ vì một việc ăn thịt mà tai hại như thế, làm cho ta xa trái tất cả Phật pháp, bị đủ phiền não chương ngại như vậy nên phải đoạn trừ. Đó là lời Lương-Vô-Đế kết luận bài văn ĐOẠN TỬU NHỤC,

Lúc bấy giờ một số tăng-ni ăn thịt đứng ra phản đối, bảo rằng trong Luật không có giới cấm ăn thịt, và trong kinh không có pháp sám hối ăn thịt. Vì vậy nên Lương Vô Đế thân triệu tập tăng quan 368 người, túc đức 25 người, nghĩa học 570 người, đạo-sư 39 người, tăng ni gồm có 1.448 người, dùng ngày 22 tháng 5 năm Thiên giám thứ 12 mở HỘI NGHỊ ÁN CHAY ở chùa Quang-Trạch cửa Phương-Trang.

(Còn nữa)

Đời sống giải thoát đạo Phật có thể thực hiện ở Âu-Châu không?

E. FRANC-PRAT (Samathananda)

MINH-CHÂU dịch

Đã lâu, những tư tưởng triết học của đạo Phật được Âu Châu đề ý. Trải hơn 2500 năm, đạo Phật được truyền bá trong những nước mà khí hậu, phong tục, dân tộc hoàn toàn sai khác nhau; và kết quả ấy cho chúng ta rõ rằng phương pháp của Phật dạy, không phải dành riêng cho một xứ sở hay một thời đại nào; đạo Phật thật là một đạo giải quyết tất cả những vấn đề gì có quan hệ đến nhân sanh, chung cho toàn thể nhân loại. Trong khi sự trao đổi văn hóa giữa Tây Phương và Đông Phương được thắt chặt mạnh mẽ và trong khi mà những quan điểm về chơn giá trị của nhân sanh đều bị thay đổi, sự có mặt của đạo Phật ở Âu Châu trên nhiều phương diện thật là hợp với lẽ phải. Hình như chúng ta sợ chúng kiến, trong những năm sắp đến, nhiều sự cố gắng để ứng dụng đạo Phật trong đời sống văn minh Tây Phương. Trong nhiều nước lớn ở Âu và ở Mỹ, những hội Phật Học và những nhóm hành trì lời Phật dạy đã tỏ chức rất có kết quả, và không gì cho phép chúng ta, tiếm nghiệm nghi ngờ sự thành công của những nỗ lực trên. Nhưng sự truyền bá có được lan chóng và sự ứng dụng có được kết quả hay không, đều hệ thuộc và sẽ càng ngày càng hệ thuộc với sự xuyên tạc tối thiểu với đạo Phật thuần túy, và ở sự cố gắng ứng dụng đạo Phật với sự bó buộc của đời sống của xã hội hiện tại: những điều thích hợp với đạo Phật Tây Tạng nhiều khi không thích hợp với đạo Phật Tích Lan, và trái lại

Cái khuôn khổ lớn của phương pháp Phật dạy có thể dùng làm khởi điểm cho mọi quan niệm siêu hình nhưng cũng có thể tự đầy đủ, và có thể không ngại gì đến nghĩa bất khả tư nghì tạm thời của đức Phật dạy thực hiện chứng nghiệm được, không cần phải có một lòng tin tưởng tôn giáo gì. Cho nên, người Tây phương không gặp sự gì khó về phương diện này. Chỗ khó khăn nhất là ở sự khảo chính lại những quan điểm tâm lý siêu hình của mình mới học hoặc sẵn có, riêng cho dân tộc cho nước nhà, cho hoàn cảnh. Chính trong sự thuộc hiện chọn ý nghĩa của định lý: vô thường (aineca) khổ (dukkha) và vô ngã (anaha). Một quan điểm mới về đời sống không thể không gặp nhiều sự khó khăn trong khi chọn lọc, và tất cả những tập quán cũ về đời sống trải qua nhiều thế kỷ đã dần dần thành những tín điều, tập tục, những thực lý xã hội, không thể trừ bỏ một cách dễ dàng được. Tuy vậy, đó chỉ chỉ là những sự khó khăn về lý giải; những sự khó khăn này có thể bớt dần trong khi nghiên cứu và thiết hành đạo Phật. Những sự khó khăn về vật chất (dưới hình thức sự kính trọng giá trị con người) riêng đối với quần chúng, thời rất khó mà thắng được và chính những sự khó khăn ấy thường hay làm cho những người Phật tử không đủ can đảm để đi từ lý thuyết qua thực hành, vì sợ người ta sẽ cho mình là một người lập dị hay người điên. Chúng ta cũng phải công nhận rằng trong số những người đến dự những lớp hội học về Phật pháp, một số đông là vì thích sự mới mẻ của môn học thuyết ấy hoặc tìm trong ấy một phong vị thần kỳ xa lạ: những hạng người này không bao giờ đi sâu trên con đường đạo và không đáng cho chúng ta bận tâm đến.

(Còn nữa)

Trích dịch trong tập «La Pensée Bouddhique»
số 6 bộ III tháng 4 năm 1949

Ngài Ma-Ha-Ca-Diếp

THÍCH MẬT-NGUYỄN

Ngài là người nước Ma-Kiệt-dà, họ Bà-la-Môn, phụ thân hiệu là Âm-trạch, mẫu-thân hiệu là Hương chí.

Đời quá khứ làm thợ đồ kim-khí, gặp lúc đức Phật Tỳ-Bà-Thi nhập-diệt, bốn chúng dựng tháp cúng thờ. Có người đàn-nữ được một hột vàng, cầu-khẩn người thợ vàng bổ-khuyết vào chỗ thiếu trên mặt tượng Phật thờ trong tháp. Cả hai người cùng nhau phát nguyện đời đời làm vợ chồng không cần mai mối. Do nhơn-duyên ấy, đời nào sanh ra cũng được thân sắc vàng chói sáng và đến đời đức Phật Thích Ca thời Ngài cùng bà Tử-kim-Quang làm chồng vợ.

Nguyên chữ Ca-Diếp, Tàu dịch là Âm-Quang bởi thân Ngài sáng ngời mà đặt tên. Vợ chồng, đều thanh-tịnh, không tưởng thế-gian. Ngài Ca-Diếp, lại xuất gia tu hạnh đầu đà. Bỗng một hôm có vị thần bảo :

« Đức Phật Thích-Ca đã ra đời rồi, ngài nên đến làm đệ tử đi » Ngài liền đến Trúc-Lâm tinh xá lễ Phật, thân thọ giới xuất-gia, thành Tỳ-Kheo tăng hạnh. Phật thường Khen Ngài là bậc thượng tử.

Một thời trong một hội thuyết pháp Phật đưa ra một hoa sen, đại chúng đều lặng thính, duy Ngài Ca-diếp chúm chím có một nụ cười Phật liền bảo : « *Ta có chánh pháp nhân tạng. Niết bàn diệu tâm, đều trao người Ma-Ha Ca-Diếp* ». Ngài liền lãnh thọ, đó là chỗ Phật truyền pháp-môn tâm-ấn cho ngài Ca Diếp, và đó cũng là khởi điểm của sự truyền thị của các vị Tồ Sư, các bậc chọn tu thật chứng trong Phật giáo đời sau này.

Một hôm có người ngoại đạo hỏi ngài: « *Cái gì là cái ngã của tôi?* » — Đáp: « *Cái mà người tìm ta ấy là cái ngã của người đó.* ». Hỏi: « *Cái ấy nếu là cái ngã tôi, thế cái ngã của Thầy ở chỗ nào?* » — Đáp: « *ở nơi chỗ người hỏi mà ta tìm.* ».

Lại như một hôm, ngài bước nhầm chỗ đất có bùn, một ông Sa-Di thấy liền hỏi: « *Sao ngài lại tự làm lấy?* » ? — Đáp: « *Nếu tôi không làm, ai làm cho tôi.* ».

Đến khi Phật nhập diệt, ngài Ca-Diếp ở trong hang Tất bát La, núi Kỳ-xà-Quật tự nhiên thấy ánh hào quang sáng, ngài lấy tịnh thiên nhãn xem thấy Phật đã nhập diệt trong rừng Ta la, bên sông Ni-liên. Ngài liền đi về than thở nhớ tiếc. Phật ở trong kim quang hiện ra 2 chân để an ủi. Sau khi làm lễ trà-tỳ (thieu) kim thân của Phật, các hàng chư thiên, phân bố xá lợi đem về xây tháp cúng dường. Lễ xong, ngài bảo các vị đại đệ tử của Phật: « *Bây giờ Phật đã nhập diệt rồi bốn phần của chúng ta không gì hơn là phải kết tập pháp tạng lưu thông giáo pháp, khiến huệ mạng của Phật không dứt mất.* ». Liền nói bài kệ:

« *Hỡi đệ tử Như Lai, chớ kíp vào Niết-Bàn, Ngài nào được thần thông, xin mời đến kết tập.* ». Các vị Thánh tăng đã được thần thông đều đến núi Kỳ-xà-Quật, trong hang Tất bát La, Duy có ngài A-Nan, lậu-tập chưa được trừ hết, ngài Ca-Diếp về phương-pháp cho trừ hết, chúng A-la-Hán mới được nhập hội, Ngài bảo trong chúng rằng: « *Thầy Tỳ-Kheo A-Nan có trí huệ lớn. Chỗ nghe Phật pháp như nước rót vào bát, không rơi một giọt, vậy nên thỉnh ngài kết tập về kinh tạng.* » Đại chúng mặc nhiên nhận lời. Xoay lại, ngài bảo ngài A-Nan: « *Ông nay phải nói lại pháp nhãn của Phật mà ông đã từng lãnh thọ.* ». Ngài A-Nan vâng lời quán sát chúng tâm nói bài kệ rằng: « *Các bà con Tỳ-Kheo, lia Phật không trang nghiêm, cũng như trong hư không, sao nhiều mà không trăng.* ». Ngài đánh lễ chúng tăng lên pháp tọa

nói: « Tôi nghe như vậy! một thời Phật ở chỗ nào, nói kinh giáo gì »... cho đến cuối cùng mỗi kinh là « hàng thiên nơn v.v... tín thọ phụng hành ». Ngài Ca Diếp hỏi trong chúng: « Chỗ ông A-Nan nói có sai lầm gì không? » Thì ai cũng nói không khác gì Phật dạy ngày trước,

Khi kiết tập xong, ngài Ca-Diếp nghĩ mình yếu, nên vào núi Kê-túc mà nhập định, ngài cho mời ngài A-Nan đến bảo rằng: « Ta nay ở ở thế gian này không còn bao lâu nữa, nay ta đem chánh pháp phú chúc lại cho ông nên khéo giữ gìn, nghe bài kệ của ta đây: « các pháp vẫn bán lại, không có cũng không không, vì sao trong một pháp, có pháp và không pháp? Ngài A Nan nghe rồi, làm lễ phụng hành. Ngài Ca Diếp lại nghĩ. « Xá lợi của Như Lai đều ở trên cõi trời, ta nên đến làm lễ trước khi về núi ». Ngài liền lên trong hư không đi lễ các tháp miếu. Khi lui về, vì lời ước xưa, ngài đến từ giả vua A Xà Thế, rồi yên lặng vào núi Kê-túc nhập định, ngồi trên toa cỏ, tự nghĩ: « Ta mặc áo chàm vá này, phụng thủ y Tăng già Lễ của Phật cho qua số 57 cu chi, 60 trăm ngàn năm chờ khi đức Di Lặc xuất thế để truyền y này, quyết không hư nát. Ngài bảo với núi rằng: « Nếu vua A Xà Thế và ông A Nan đến, người mở núi ra, hai người về rồi khép lại. Vua A Xà Thế biết ngài nhập định trong núi Kê-túc, mới thỉnh ngài A Nan, đồng đến núi ấy; quả nhiên núi mở ra, thấy ngài nghiêm nhiên nhập định. Vua lạy xong muốn lấy củi thơm hỏa táng thân ngài nhưng ngài A Nan bảo: « Chưa thiêu được, đó là ngài Ca Diếp dùng thuyền định giữ thân mình, đợi đức Phật Di Lặc hạ sanh ngài mới nhập diệt »

Vua nghe kinh thán vô hạn, cùng ngài A Nan lễ tạ lui về, núi khép lại như cũ.

Thời ấy nhằm về bên Tàu là năm Bính Thìn đời vua Châu hiếu vương năm thứ 5.

Phông dịch Chỉ nguyệt lục

TỈNH-ĐỘ VỚI ĐỘ-THÀNH

TỔNG-ANH-NGHI

Hôm ấy là ngày cử hành lễ thành lập chính thức khuôn Tỉnh Độ thứ một trăm lẻ hai của Tỉnh Hội Thừa Thiên: ấy là Khuôn Tỉnh Độ Phú Hòa, một khuôn Tỉnh Độ ở trung tâm điểm của châu thành Thuận Hóa,

Lúc bấy giờ, trước đài quang minh của đức Bồn Sư Thế Tôn, trong cái không khí thuần đạo ấy, hương Từ Bi đang ngát tỏa, đèn Trí Huệ đang rọi sáng và bông hoa Chánh Tín đang nở thơm tho trong lòng của mọi người, nếu bấy giờ các vị Đại Đức Tăng-già, quý Đạo hữu trong Ban Trị Sự Tỉnh hội, cũng như quý vị Thiện Tri thức và liệt vị hội hữu rong khuôn hiện diện, vì Đạo mà đang vui mừng những nỗi mừng vui trong sạch, thanh cao là được thấy tôn chỉ, mục đích truyền bá Phật Pháp của Hội Việt Nam Phật học ngày một mở rộng phạm vi khắp nhân dân, thì chính lúc ấy cũng là một dịp quý báu cho bao người có công đức trước nhất đối với việc khai sáng khuôn, được thành thật bày tỏ những nỗi vui mừng tương đương của họ.

Các đạo hữu này không những hàn hoan vì sự có mặt đầy đủ đầu tiên của những người nói trên hoan hỷ quang lâm dự lễ để cho họ có cái vinh dự cao quý là cung tiếp các hàng Phật tử chân học, chân tu, mà lại còn sung sướng vô cùng là được thấy khuôn bước đến cái ngày làm việc khởi sự trang trọng cho Tỉnh hội đánh dấu, để họ dũng mãnh tiến hành Phật sự, hòng theo kịp các khuôn dân anh có thiện duyên và may mắn được

thành lập trước mình, làm phương tiện cho các phương tiện cho các hàng tín đồ địa phương tu học.

Những hàng con Phật trong đủ các giới trí thức, thương gia, lao động v. v. tập trung nơi đô thị, nghe tin ai nấy đều mừng rỡ, hoan nghênh sự thành lập của khuôn, tất nhiên tin tưởng vào một đoàn thể chân chính sẽ nâng cao mình trên bước đường tu tiến, trực hướng về Tam Bảo để thực hiện cho mình, cho người một hạnh phúc, một giải thoát hoàn toàn theo giáo điển của Phật.

Những cử chỉ nồng nhiệt, những lời nói thiết tha, chân thành phát ra từ những tấm lòng mộ Đạo đúng yêu, đáng kính trong khuôn đã cảm xúc làm sao, đã khuyến khích làm sao và cuối cùng đã làm cho toàn thể tin tưởng biết bao vào một ngày mai sáng lạng của cái khuôn Tịnh Độ thị thành ấy.

Ban đầu số hội viên của khuôn là trên hai trăm người nhưng con số ấy, người ta tin chắc nó sẽ tăng thêm gấp bội về phẩm cũng như lượng một khi mà từng ấy hội hữu, ai cũng như nấy đều biết nhận lấy trách nhiệm khuyến học, khuyến tu, đồng thời với cái bổn phận tự tu, tự học của mình.

Cái cầu nối giữa Khuôn và Tịnh Hội đã bắt xong rồi, sứ mệnh của người được Tịnh Hội ủy nhiệm tổ chức khuôn đã tròn vẹn, nhưng Ban Chức Vụ bầu ra để điều động toàn Khuôn là một Ban chức vụ chính thức do nghị định Tịnh Hội duyệt y, tức sẽ là cái phá động cơ mạnh mẽ cho bộ máy sinh hoạt của khuôn về mọi phương diện, nên ngày thành lập chính thức cũng tức là ngày toàn thể hội hữu trong khuôn có toàn quyền tự định đoạt, tự giải quyết lấy, để cho cái cơ sở tượng trưng tinh thần đạo giáo chung của họ ngày một vững bền, tiến phát, theo như nguyện vọng duy nhất của Hội, là trường tồn, vĩnh viễn với mục đích hoàng pháp lợi sanh.

Nếu theo như lời tục ngữ, ba cây hợp lại mà thành hòn non cao, thì bấy nhiêu hội hữu hiện tại đồng một chỉ hướng thân ái kết chặt lại, tất phải làm được một ngọn núi vững chắc, biểu dương được một sức lực kiên cường để duy trì cương lĩnh cho khuôn, duy trì một phần nào cho cái chơn tinh thần Phật Giáo và Phật Học mà chúng ta đang chung cùng quy ngưỡng.

Đã chứng kiến buổi lễ ấy, ai là người có thể quên được những lời mà lúc như lửa ấm, khi như gió thanh quạt vào lòng thánh giả, của đạo hữu Nguyễn-Tiến thay mặt toàn thể Hội hữu trong khuôn, trình bày cảm niệm của mình ra trước khung cảnh đại chúng, những lời phải là của người được thấm nhuần trong Đạo Viên Mãn mới thốt ra được :

« Có lẽ chúng ta mới nhắm đúng tôn chỉ của Hội »

Cái lịch trình tiền hóa của Hội chúng ta đã từng nghe, những thành tích hồng pháp lợi sanh của Hội chúng ta đã từng biết, vậy một khi là hội viên của Hội, tất nhiên chúng ta ai cũng phải trung hành với điều lệ, quy tắc nội bộ chúng ta. để từ chỗ sơ cơ, chúng ta thẳng đến chỗ thuần thực của người Phật tử chân chính, đầu là người Phật tử tại gia.

Nếu giờ phút này, nhờ hồng ân của Phật Tồ tự thân của chúng ta, gia đình chúng ta, đoàn thể chúng ta ở đây, hưởng được ít nhiều phước lạc về vật chất cũng như tinh thần, hơn bao nhiêu đồng bào khác đang bị dày ải với bao nhiêu hình thức khổ đau rải rác khắp nơi, mà cái không khí nào nung oân than đang phủ trùm nặng nề trên biển lệ, thì chúng ta hãy tịnh tâm cảm niệm đến công quả của một tiền thời nào do chúng ta đã tu học, và hãy phát nguyện ngay từ bây giờ tiếp tục thực hành một cách tích cực trong đời sống hiện tại này của chúng ta, để cho thiện quả chỉ có tăng chứ không giảm.

Không dễ cho ai có thể hiểu làm chúng ta, là những người ở ngay trung tâm diềm thành phố lại là những người dễ bị mê hoặc bởi vật dục của cảnh thị tứ phồn ba, khó tiến triển được trên bước đường tu học, không dễ cho ai có thể trị giá đời sống hằng ngày chúng ta chỉ bằng với đời sống vật chất một cách đảo điên, không dễ cho ai ngờ vực chúng ta là những người tín ngưỡng một cách mù quáng, chúng ta chủ trương Đạo Phật là một Đạo Sống, giúp ta tranh đấu để sống một đời sống ý nghĩa của con người, giữa người với người, giữa người với vạn vật, sống một đời sống không ràng buộc nhưng vẫn không tách làm hai Đời và Đạo.

Nếu Đạo Phật là Đạo Hoa Sen thì những tín đồ theo Đạo ấy cũng phải biết tự làm mình là một đóa sen nở trong những lớp bùn lầy, căn bã của xã hội dễ phổ sắc, tung hương, phải cố làm vui vẻ thơm tho tất cả các giai tầng u tối, phải cố làm cho lành mạnh hết thảy mọi làm hồn đau khổ, căn cứ trên giáo pháp của đấng Vô Thượng Y Vương Nói như thế phải chăng là để nhấn mạnh cho chúng ta nhận chân rằng càng gần vật dục, càng trà trộn trong cảnh đời thực tế, vật chất, hơn ai cả, chúng ta càng phải tu học.

Tu học cho thanh tịnh âu lo

Tu học cho tinh tấn công hạnh

Tu học cho hoan hỷ cuộc đời

Và như thế, cái chất Ngươi trong Đạo, cái ánh Đạo trong Ngươi, đồng thời đã được gạn lọc, đã được rang ngời, để ngày một gần thêm cái chân giá trị muôn đời của nó.

Với lý Giác Ngộ, trong rừng hạnh phúc chúng ta không tự hạ để mình làm kẻ hành nhân lạc hướng vì lý trí mê mờ theo dục vọng.

Với phương tiện Bồ Đề, giữa biển Đau Thương chúng ta không biể ịch kỷ hạn chế lòng từ, cũng như không

chịu yếu hèn tự thả lỏng cho giặc Vô Minh tung hoành, đàn áp.

Và với đạo Giải Thoát, chúng ta tự bạo hóa thành những con người xứng đáng ngày mai của một xã hội tương lai chờ đợi

Hiện nay trên quốc tế, Phật Giáo đang được cần kíp khuyến trượng, trong quốc độ chúng ta, Phật học cũng đang được nhiệt nung tiến triển

Là tín đồ của Phật, ai mà không lo, ai lại không mừng.

Lo để khỏi hổ thẹn trong sự góp sức chung việc chấn hưng Đạo cả, mừng bởi thấy số người tu học mỗi ngày một thêm đông

Trong lòng, trong trí chúng ta của ta cũng như của hết thảy mọi người, nhờ thế, đang vén mở một chân trời Tự Do bá ngát, và vừa menh mông vừa khoáng đạt, đang hứa hẹn bừng sáng một Gia-Đình Phật-hóa của nhân loại Hòa-Bình.

Suốt trong buổi lễ cử hành trang nghiêm hôm ấy, người ta đã có dịp thông cảm một cách sâu xa sự mật thiết giữa quý vị Đại đức Tăng Già với tín đồ cư sĩ, giữa Tỉnh Hội Phật Học và khuôn Tịnh Độ.

Sự mật thiết ấy thực hiện được một khối người đã đoàn tụ dưới bóng dăng Điều Ngự, lại biết đoàn kết không phân chia giai cấp, tuổi tác hay giống loại, đang nâng đỡ nhau, xót thương nhau, đang đưa nhau về Bến Giác trong ánh từ quang diệu dụng của Phật Đà

Với cái tinh thần bình đẳng ấy của đạo, những gì là danh lợi, giàu sang, những gì là cơ cù, hèn mọn đều không còn hư trương hình sắc, mà chỉ còn có sáng suốt của lý trí chung soi, chỉ còn có êm đềm của tình thương chung hưởng, càng tu học càng tiến hóa, và vì mục đích cứu thế lợi tha, càng hoạt động, càng thực hành, để cho từ hang cùng ngõ hẻm, cũng như đến gác tía lầu vàng, khắp chốn, khắp nơi, người người đồng thanh hưởng ứng với đạo niệm của chúng ta, mà luôn luôn vang dậy, ngân xa, chí kính chí thành những tiếng :

« Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ».

BAN TỔ CHỨC LỄ KHÁNH ĐẢN

và Ngày Từ-Thiện Phật-Giáo

(do Phật giáo Trung Việt Sơn môn và Hội Việt-Nam Phật-Học tổ chức)

Kính gởi toàn thể Phật-tử Việt-Nam và Quốc-dân đồng bào

Mồng 8 tháng 4, ngày xuất hiện của vị cứu tinh nhân loại, ngày mở đầu cho kỷ nguyên của công lý và nhân đạo, ngày giải thoát cho muôn loại khỏi bể trầm luân. Đức Thích-Ca Mâu-Ni vì chúng ta, vì nhân loại vì mọi chúng sanh đau khổ mà ra đời. Ngài nêu sáng ngọn đèn trí-huệ để dẹp trừ vô minh đen tối. Ngài rưới nước cam-lồ để dập tắt sầu muộn hận thù. Ngài chống thuyền từ để đón chúng sanh qua bờ giác ngộ.

Hàng Phật tử chúng ta, nhờ ân pháp-nhũ của Ngài, đã tìm được lối đi trên đường đời đầy chông gai nguy hiểm, và giải thoát được đôi phần đau khổ trong đường đời mộng ảo. Và chính trong giai đoạn này đây, giai đoạn mà cảnh thâm mục thương tâm được trưng diễn mãi không ngừng, thì cũng chính là lúc hàng Phật-tử chúng ta thấy kinh nghiệm được hưởng Hồng-Ân của Phật-tổ.

Đối với công đức cao dày ấy, chúng ta hãy làm gì đây trong ngày kỷ-niệm Ngài đề gọi chút đèn đáp thâm ân. Đốt nén hương lòng đề cúng dường cũng chưa đủ. Xưa kia Đức Phật đã từng nghiêng mình trên sự đau khổ của nhân loại. Thì nay trên văm châu hòa bình chưa trở lại, nhưn loại còn phải vô số lầm than, thì chính là lúc chúng ta phải nêu cao ngọn đuốc truyền pháp vô tận để soi sáng đêm tối vô minh, chúng ta phải nhờ sức Từ-Bi để dập tắt hăm lửa vô biên của dục vọng. Đề tỏ lòng thương xót nhân loại như lòng thương rộng lớn của Phật và đề góp một phần nào vào sự xây đắp hòa bình an lạc, chúng ta hãy mở rộng cõi lòng để đón mời những tâm hồn đau khổ.

Cũng trong dịp Khánh-Đản của Đức Bôn-Sư, Phật giáo Trung-Việt sẽ tổ chức một ngày từ thiện Phật giáo để giúp đỡ đôi phần cho đồng bào đương đau khổ trong tai nạn chiến tranh cũng như người nghèo khổ và tàn tật. Đứng trước tình trạng xót xa ấy, hàng Phật tử chúng ta hãy phát tâm người giúp vật dụng (thuốc men, áo quần, chiếu, thuốc hút v.v.) kẻ giúp tiền tài để góp phần công đức đối với tình đồng bào và thực hiện một phần nào tinh-thần Từ-bi Đức Phật.

Có vậy chúng ta mới đền đáp trong muôn một Hồng Ân của đức Phật và khỏi phụ công đức dạy dỗ của đấng Từ phụ chúng ta, trải qua 2513 năm lịch sử.

Chúng tôi lại tha thiết kêu gọi lòng sốt sắng của toàn thể Quốc dân đồng bào chung cùng chúng tôi hưởng ứng đề cho « Ngày Từ thiện » này được thêm phần kết quả.

NAM MÔ BÔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH LỄ

Tại các chùa và các Niệm Phật Đường thuộc khuôn Tịnh-Độ

Ngày mồng 8

- 7 giờ sáng : Lễ Đản Sanh
8 — 10 : Luân phiên tụng niệm
10 — : Lễ Phật và cầu nguyện
11 — : Đọc bài giảng lịch sử Đản sanh của Phật
12 — : Cúng ngọc
13 — 16 : Luân phiên tụng niệm
17 — : Cúng thí thực
19 — : Phóng sanh đăng

Tại chùa Từ Đàm ngày mồng 8

- 7 giờ sáng : Lễ Đản Sanh
8 — 10 : Luân phiên tụng niệm
10 — : Lễ Phật và cầu nguyện: Thế giới Hòa bình,
quốc thái dân an, cầu siêu V.N. chiến-sĩ trận
vong, và Thế giới chiến tranh nạn vong
11 — : Thuyết pháp
12 — : Lễ ngọc
13 — 15 : Luân phiên tụng niệm
15 — : Gia đình Phật-hóa-phổ hành lễ
17 — : Cúng thí thực
19 — : Phóng sanh đăng trên sông Hương

Ngày mồng 9

- 16 giờ : Phát chẩn tại chùa Từ Đàm

Chương trình ngày « Từ-Thiện Phật giáo »

Từ ngày 1 đến 7 tháng 4 Âm-lịch :

Đi lạc-quyên tiền bạc đồ Vật dụng: Áo-quần, thuốc-men, Gạo, Chiếu, thuốc hút v. v. . .

Ngày mồng 7 tháng 4 Âm-lịch :

Khai mạc các tiệm cơm chay khi 9 giờ mai.

Ngày mồng 8 tháng 4 Âm-lịch :

Các đoàn Nam-Nữ Phật-Tử sẽ đặt thùng Phước Sương từ 9 giờ đến 15 giờ.

Ngày 13 tháng 4 Âm-lịch :

Các đoàn đại-biểu sẽ chia nhau phân phát.

Yêu cầu các bạn Phật-Tử cùng Quốc-dân đồng-bào hãy nhiệt liệt hưởng ứng ngày « TỪ - THIÊN PHẬT - GIÁO » để giúp đỡ một đôi phần cho các đồng bào nghèo thiếu.

Các bạn hãy đề sẵn sàng tiền bạc hay vật dụng, chúng tôi sẽ cho người đem biên lai đến nhận.